

Bản án số: 81/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1345/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1972, cư trú tại: R 108, B, Slovakia. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976, cư trú tại: R 108, B, Slovakia; tạm trú tại: Số 11 ngõ 36 T, quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và đơn đề nghị của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/5/1995. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2006 anh T sang Slovakia sinh sống và làm việc. Đến năm 2009 anh T bảo lãnh cho chị cùng sang Slovakia để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng ở nước ngoài phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên bất đồng về quan điểm, lối sống. Hai bên cũng đã

cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy hiện tại hai bên không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là,

- Cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/9/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cháu Nguyễn Anh M, sinh ngày 26/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 25/8/2004, hai bên thống nhất giao cháu Nguyễn Anh M và cháu Nguyễn Thị Minh A cho chị K nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai của bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày thời gian kết hôn, quá trình chung sống và vấn đề con chung, tài sản chung thống nhất với trình bày của chị K. Anh T cũng nhất trí yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

Tại phiên tòa, anh T có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị K. Chị K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/5/1995. Theo các quy định của pháp luật đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị K và anh T cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị nên theo khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Chị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2006 anh T sang Slovakia sinh sống, làm việc. Đến năm 2009 anh T bảo lãnh cho chị K cùng sang Slovakia để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng ở nước ngoài xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng về quan điểm, lối sống. Hai bên đã cố gắng khắc phục nhiều lần

nhưng không có kết quả nên vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại hai bên cùng xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên việc anh T và chị K cùng đều nghị được ly hôn là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K và anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung,

- Cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/9/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Cháu Nguyễn Anh M, sinh ngày 26/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 25/8/2004, hai bên thống nhất giao cháu Nguyễn Anh M và cháu Nguyễn Thị Minh A cho chị K nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy việc thỏa thuận của anh T và chị K là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định pháp luật. Do đó cần áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của anh chị về con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị K và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Anh M, sinh ngày 26/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 25/8/2004 cho chị Nguyễn Thị K nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/9/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị K đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003868 ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị K đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Trần Nguyên Hãn;
- Các đương sự để thi hành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Thụ